

Số: 19/2022/QĐST-DS

Ia Grai, ngày 03 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo - thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Công T – Chức vụ Phó giám đốc Ngân hàng TMCP A - chi nhánh G.

Địa chỉ: 01 Trần Hưng Đạo, thành phố P, tỉnh G.

- *Bị đơn:* Ông Trần Duy N và bà Nguyễn Thị C

Địa chỉ: thôn 7, xã Ia T, huyện I, tỉnh G.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn ông Trần Duy N và bà Nguyễn Thị C công nhận tính đến ngày 26/5/2022 còn nợ của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A tiền nợ gốc còn lại là 350.000.000đ, nợ lãi trong hạn 106.900.082đ, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 26/5/2022 là 32.329.767đ. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 489.229.849đ (*bốn trăm tám mươi chín triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*). Ông Trần Duy N và bà Nguyễn Thị C sẽ trả số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần A như sau:

- Ngày 31 tháng 5 năm 2022 trả 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*);

- Ngày 30 tháng 6 năm 2022 trả 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*);

- Ngày 31 tháng 12 năm 2022 trả số tiền còn lại là 139.229.849đ (*một trăm ba mươi chín triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải (ngày 26 tháng 5 năm 2022) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Trường hợp ông Trần Duy N và bà Nguyễn Thị C không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 27, tờ bản đồ số 46, địa chỉ xã Ia T, huyện I, tỉnh G theo giấy CNQSD đất số R 997558 do UBND huyện I cấp ngày 06/11/2000, được chỉnh lý sang tên ngày 04/01/2017.

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 74a, tờ bản đồ số 44, địa chỉ xã Ia T, huyện I, tỉnh G theo giấy CNQSD đất số AP 192384 do UBND huyện I cấp ngày 15/7/2009.

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 10, tờ bản đồ số 60, địa chỉ xã Ia T, huyện I, tỉnh G theo giấy CNQSD đất số BU 602337 do UBND huyện I cấp ngày 09/10/2004, được chỉnh lý sang tên ngày 22/6/2017.

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 29, tờ bản đồ số 45 địa chỉ xã Ia T, huyện I, tỉnh G theo giấy CNQSD đất số CU 670880 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 17/6/2020.

2.3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Duy N và bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí: Ông Trần Duy N và bà Nguyễn Thị C chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.784.597đ (*mười một triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) để sung quỹ nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.573.358đ (*mười bốn triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm năm mươi tám đồng*) theo biên lai thu số 0011848 ngày 28/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- TAND tỉnh Gia Lai (phòng GĐKT)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Chí Công